

NGHI LỄ SINH ĐẼ VÀ NUÔI CON NHỎ CỦA NGƯỜI MẢNG Ở VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN THẮNG

1. Những vấn đề chung về người Mảng ở Việt Nam

Người Mảng ở Việt Nam có dân số ít, cư trú tại 14 tỉnh, thành trên cả nước nhưng chủ yếu ở tỉnh Lai Châu với 3.631 người/3.700 người (Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở TW, 2010, tr. 35). Trước đây, người Mảng có nhiều tên gọi như Mảng U, Xá Xăm Cầm, Xá Mảng, Xá Bá O, Rạ Mảng... nhưng đều là những tên được gọi bởi một số tộc người láng giềng. Bản thân đồng bào tự nhận mình là người Mảng, với nghĩa là người du canh du cư hay người có tính nhút nhát; vì vậy, tên gọi Mảng nay đã trở thành tộc danh chính thức của tộc người này.

Qua nghiên cứu cho thấy tộc người Mảng ở nước ta có hai nhóm là Mảng Gừng và Mảng Lệ. Mảng Gừng sống trên cao, Mảng Lệ sống thấp hơn nhưng về cơ bản hai nhóm Mảng này ít khác biệt về tập tục sinh hoạt, sinh kế, ngôn ngữ và văn hóa. Là tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khome, ngữ hệ Nam Á, người Mảng sống chủ yếu ở vùng biên giới, nơi đặc biệt khó khăn nên vẫn bảo lưu được nhiều yếu tố Môn - Khome cổ. Trong quá trình phát triển, người Mảng chịu ảnh hưởng văn hóa của một số tộc người cộng cư như Thái, Hmông, Hà Nhì... với những sắc thái và độ đậm nhạt khác nhau tùy từng địa bàn cư trú. Người Mảng

có ngôn ngữ riêng và được dùng phổ biến trong giao tiếp hàng ngày, nhưng họ không có chữ viết riêng.

Cho đến nay, kinh tế của người Mảng vẫn theo cơ chế tự cung tự cấp với hình thức luân canh nương rẫy. Cây trồng chính của họ là lúa tẻ, bên cạnh đó còn trồng ngô, đậu, bầu, bí, khoai... với kỹ thuật canh tác giản đơn. Lúa nước bước đầu được canh tác ở một số thửa ruộng hẹp ven các con suối, nhưng do trình độ thâm canh hạn chế, diện tích ruộng ít nên chưa cải thiện được vấn đề thiếu lương thực của người Mảng hiện nay.

Đối với người Mảng hiện nay, nghề dệt vải rất hạn chế, trong khi nghề rèn đúc chưa phát triển, còn nghề mộc mới ở mức sơ khởi thì nghề đan lát lại phát triển khá cao. Họ có thể làm ra những vật dụng trong gia đình như giỏ đựng quần áo, giỏ bắt cá, gùi... đạt trình độ thẩm mỹ cao với những hoa văn sắc sảo. Các hoạt động khác như săn bắt chim thú, đánh cá thì nay đã không còn phong phú như trước kia nữa. Song, người Mảng cũng đã chú ý đến chợ để bán hàng nông sản, đồ đan lát và một số lâm thổ sản kiếm được, bởi ở vùng họ nay vẫn còn ít rừng.

Người Mảng gọi bản là *muy*. Mỗi bản thường có vài chục nóc nhà quần cư ven núi hoặc gần sông hoặc suối, vì vậy, tên bản thường gắn với tên con sông, suối ấy như:

Nậm Ban, Nậm Sảo, Nậm Nó, Nậm Xuông... Ở nước ta, người Mảng có 6 dòng họ gốc, đó là các họ Pàn, Tào, Lùng, Anh, Lý, Chìn. Do con gái Mảng lấy trai Thái nên có thêm họ Lò. Mỗi họ đều có những con vật kiêng ăn thịt, chẳng hạn như họ Pàn kiêng giết và ăn thịt chim *Xóm Ti Ủ*; họ Lùng kiêng giết và ăn thịt rắn; họ Lý và họ Anh kiêng giết và ăn thịt chim *Xanh*... Gia đình là thành viên của mỗi dòng họ với đặc điểm trước kia là gia đình lớn có từ 3 đến 4 thế hệ cùng chung sống, nhưng nay họ đã chuyển sang kiểu gia đình hạt nhân chỉ có bố mẹ và các con. Mỗi gia đình nhỏ này đều độc lập về kinh tế; người chồng giữ vai trò chủ đạo và quyết định những vấn đề lớn như hoạt động sản xuất, cưới xin, tang ma... Tuy nhiên, do tàn dư của chế độ mẫu hệ, nên trong gia đình, người phụ nữ Mảng vẫn chủ động không ít công việc chính như hái lượm, làm nương rẫy và thực hiện một số nghi lễ cúng hồn lúa (*tung pạc nhuỷ lảm*), cúng bên ngoại (*tri duộng tằm tuế*)...

Nghiên cứu về người Mảng ở Việt Nam vốn đã ít tác giả và tác phẩm đề cập đến, nên nghiên cứu về nghi lễ sinh đẻ và nuôi dạy con nhỏ của tộc người này lại càng ít hơn. Bởi vậy, đây chính là vấn đề mới và thú vị cần được quan tâm. Chỉ có thể kể đến một vài công trình nghiên cứu về tộc người này như: *Quá trình tan rã trong gia đình lớn của người Mảng hiện nay* của Ngô Đức Thịnh (1974); *Truyện cổ Mảng* của các tác giả Mạc Đình Dĩ, Châu Hồng Thủy, Lý A Sán (1985); Ngọc Hải (2003) với công trình *Bản sắc văn hoá dân tộc Mảng*; *Người Mảng ở Nậm Ban* của Trần Minh Thư, Lò Ngọc Biên (2001); Nguyễn Văn Thắng (2009) với *Phong tục và tín ngưỡng của người Mảng ở xã Nậm Ban, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu*... Những

nghiên cứu này đã phần nào cung cấp một cái nhìn khái quát về văn hóa của dân tộc Mảng. Do đó, bài viết này chỉ tập trung sâu hơn vào nhóm nghi lễ liên quan đến sinh đẻ và nuôi dạy con nhỏ nhằm làm sáng tỏ thêm những giá trị văn hóa trong đời sống tinh thần của người Mảng ở nước ta.

2. Một số quan niệm về sinh đẻ và nuôi dạy con nhỏ

Người Mảng cho rằng, gia đình có nhiều con thì có phúc và ngược lại, gia đình có ít con thì phúc lộc ít hơn. Khi trẻ, tuy nuôi con vất vả nhưng đến lúc già thì có con nuôi mình. Đây là niềm vui và cũng là trách nhiệm của đôi vợ chồng trẻ đối với ông bà, tổ tiên. Những cặp vợ chồng không có con, đôi khi bị người trong bản nói là không có phúc, bị hồn ma ông bà và thần linh trên trời trừng phạt do ăn ở không tốt với mọi người. Người Mảng cũng thích sinh nhiều con để cửa nhà thêm vui, có thêm nhân lực lao động và khẳng định vị thế của gia đình, dòng họ đối với các dòng họ khác trong bản. Với họ, con nào cũng quý như nhau; con trai và con gái đều phải làm việc; con trai có việc làm được nhưng việc khác lại không, con gái cũng vậy, nên không coi con trai hơn con gái hay ngược lại.

Với quan niệm cho rằng mọi thứ trong vũ trụ đều có hồn và ma (*pli*)¹, thai nhi do còn nằm trong bụng mẹ và mọi người chưa nhìn thấy mặt, nên chưa được coi là có hồn (*nhuỷ*) và chưa được công nhận là người, thậm chí ma nhà (*pli nhóa*) cũng không công nhận thai nhi là người nhà. Họ cho rằng việc sinh đẻ (*a vắn*) của người phụ nữ là không sạch sẽ, nên phụ nữ Mảng tuyệt đối không được sinh đẻ trong nhà. Vì thế, trước kia

¹ Có nơi gọi là *bli*. Đó là do cách phát âm khác nhau.

người phụ nữ phải đẻ ở ngoài lán (*ma hắp*), còn nay thì đẻ ở dưới gần sàn nhà. Đồng thời, người nhà cũng không được lấy bất kỳ vật dụng nào của gia đình ra lán cho sản phụ, thậm chí cả nước (*gium*) để tắm rửa hàng ngày; sản phụ phải tự đi lấy nước để dùng hoặc nhờ chồng, chị chồng, mẹ chồng lấy giúp.

Khi mang thai và lúc mới đẻ, phụ nữ Mảng phải ăn kiêng nhiều thứ. Họ không ăn những thứ có màu xanh, ớt và tỏi, vì những thứ này cay, không tốt cho đứa trẻ trong bụng; không ăn các loại thịt thú, nhất là thịt hoẵng, vì con hoẵng (*ma chúc*) đã dạy cho người Mảng biết trồng lúa trên nương; không ăn các con vật có chữa và cá đen (*a chố*), vì sợ hồn các con vật đó sẽ làm hại đứa bé. Ngoài ra, người có chữa kiêng đi đám tang và kỵ tới nghĩa địa, do sợ khó đẻ. Riêng công việc, trước khi sinh một tháng, người phụ nữ không được trồng cây và tra hạt, đặc biệt kỵ gieo lúa, vì sợ hồn lúa (*nhủy lằm*) sẽ bỏ đi dẫn tới mất mùa... Khi đẻ, nếu gặp trường hợp sinh đôi, sinh ba là hiện tượng không bình thường, vì những đứa trẻ này không phải do bà mẹ đẻ ra mà do quỷ nhập để hại mọi người trong nhà. Đây được coi là bằng chứng trời bắt phạt người có tội, vì thế khi đẻ đôi hoặc ba thì sản phụ hoặc chồng phải tự tay vứt bỏ những đứa con do mình đẻ ra bằng cách cho đứa trẻ sơ sinh đó vào những ống bương, rồi đem vứt bỏ trong rừng sâu.

Từ khi đứa trẻ mới ra đời, người Mảng quan niệm rằng, bố mẹ phải có trách nhiệm nuôi dạy thì lúc về già con cái mới chăm sóc mình. Bởi vậy, đồng bào thường nói: “Khi con còn bé mình chăm con thế nào thì lúc về già con cũng chăm mình như thế”. Tuy

nhiên, tùy thuộc điều kiện kinh tế từng gia đình mà cách nuôi dạy con cũng khác nhau. Với nhà có cuộc sống khá giả, họ thường chu đáo hơn trong việc bảo đảm các bữa ăn cho con và cho con đi học; ngược lại, những gia đình kém kinh tế thì ít chú ý tới bữa ăn và việc học của con. Họ còn cho rằng, những đứa trẻ khi sinh ra đều như nhau, nhưng trong quá trình phát triển thì một phần do được chăm sóc bởi cha mẹ và phần khác là do chính trẻ phải tự thích nghi với điều kiện tự nhiên, xã hội để tồn tại.

3. Nghi lễ sinh đẻ và nuôi dạy con nhỏ

3.1. Nghi lễ thời kỳ mang thai

Trong thời kỳ mang thai, phụ nữ Mảng vẫn đi làm bình thường nhưng công việc nhẹ hơn so với khi chưa mang thai, những việc như phát nương, trồng cây, lấy củi... đều được miễn. Họ cho rằng, thai phụ làm những việc nhẹ nhàng trong thời kỳ này để giúp thai nhi trong bụng phát triển tốt, khi sinh sẽ được dễ dàng hơn.

3.1.1. Nghi lễ xin thụ thai (*Tri goàng to vắn*)

Nghi lễ này chỉ thực hiện khi cặp vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con, thông thường sau khi cưới từ 2 đến 3 năm. Đây thực chất là lễ cầu tự, bởi quan niệm cho rằng, người phụ nữ không mang thai được là do trời hoặc ma trách phạt; do đó, muốn có con, họ phải làm lễ cúng trời hoặc ma để xin trời, ma ban cho có con.

Trước hết, cặp vợ chồng tới nhà thầy cúng để bói xem nguyên nhân của việc không có con, lúc này họ không phải mang theo lễ vật. Thầy cúng lấy một con dao được buộc 2 sợi lạt ở hai đầu, còn đầu kia của lạt thì buộc lại với nhau. Sau đó, thầy dùng cả

hai tay cầm sợi lạt đã buộc chắc con dao lên và bắt đầu bói bằng cách đọc lần lượt tên các loại ma như: ma nhà (*pli soóc háp*), ma rừng (*pli di doảng*), ma cây (*pli di*), ma hòn đá (*pli dê*), ma sông (*pli giùm*)... Đọc tới tên ma nào mà thấy con dao chuyển động thì dừng lại và cho rằng chính con ma ấy đã làm cho không có con. Nếu đọc hết tên các loại ma mà vẫn không thấy con dao chuyển động, thì thầy cúng cho rằng do trời làm. Tùy theo kết luận của thầy cúng, đôi vợ chồng không có con sẽ phải thực hiện lễ cúng khác nhau, cụ thể như sau:

+ Lễ cúng trời (*tri plính*): phải chọn ngày đẹp (*nì dĩa*)² tránh ngày xấu (*nì dóp*) để không làm phật lòng thần linh cùng trời và cho kết quả như mong muốn. Lễ vật gồm 2 con gà (1 gà trống và 1 gà mái)³, 2 chai rượu, 2 sải vải Thái, 5 - 6 đồng bạc trắng (ngày xưa) hoặc 50.000 - 60.000 đồng (hiện nay), 1 đĩa xôi. Khi thầy cúng đến, người ta bày các lễ vật vào trong cái mẹt (*ma di*) và đặt cạnh bếp (*pì dĩa*), nơi gần cầu thang phía Tây của ngôi nhà. Sau đó, thầy cúng gọi cặp vợ chồng đến ngồi cạnh nơi cúng và bắt đầu làm lễ. Thầy ngồi hướng mặt vào bếp, miệng đọc bài cúng: “*Plính ơ, tế ơ; de hạ ăm cho vắn; plính, tế o vắn ình hắng; cho vắn hắng ả bố*”, nghĩa là: “*Ông trời ơi, ông đất ơi; hai người này không có con; xin ông trời, ông đất giúp nó; cho nó một đũa con*”. Thầy cúng đọc bài cúng 3 lần thì kết thúc lễ, rồi thầy cùng cặp vợ chồng hạ mâm và thưởng thức đồ lễ; những người khác trong gia đình không được ăn đồ lễ này.

² Người Mảng cho rằng, ngày đẹp là ngày không trùng với ngày mất và ngày sinh của người trong gia đình.

³ Có thể thay đổi đôi gà bằng một con lợn khoảng 5 - 6kg nếu không có gà.

+ Lễ cúng ma (*tri pli*): Lễ vật gồm 1 con gà, 1 đĩa xôi, 1 mảnh vải Thái, tất cả được bày trên một cái mẹt và đặt cạnh bếp, nơi gần cầu thang phía Tây của ngôi nhà. Sau đó, thầy cúng tay phải cầm con dao nhọn, tay trái cầm đoạn ống tre đựng sáp ong gõ vào nhau, miệng thì đọc bài cúng với đại ý: “*Ở thờ lý lò vắn chươi, xả hổ, bỏ. Lò vắn on chúy, lò vắn on chứa, tà chứa*”, tức là: “*bây giờ đã có sáp ong, xôi, gà, để cúng ma rồi. Ma cho chúng nó có con trai hoặc con gái*”. Vừa khấn xong, thầy lấy mảnh vải Thái nhỏ đưa cho người vợ và dặn người vợ đút vào trong người, 3 ngày sau mới được lấy ra. Nghi lễ kết thúc, cặp vợ chồng hạ lễ và mời thầy cúng cùng thụ lộc.

Qua lễ cúng trên, nếu sinh được con thì đôi vợ chồng trẻ mới làm lễ cảm ơn thầy cúng (*tri thoóc ha trang ruông*). Đây là sự biết ơn thầy cúng đã giúp cho cặp vợ chồng hiếm muộn được làm bố, mẹ. Lễ vật mang sang nhà thầy gồm 1 con lợn nhỏ (nếu đẻ con trai) hoặc 1 con gà (nếu đẻ con gái). Nghi lễ này do người chồng thực hiện sau khi người vợ sinh con được 2 đêm. Khi mang con vật tới nhà thầy cúng, người chồng tự tay thịt và làm cơm mời mọi người trong gia đình thầy cúng. Trước khi ăn, người chồng nói với thầy cúng: “*Cảm ơn, tôi đã có con, không mất giống nòi, mong ông làm ăn tốt, con của tôi được khỏe mạnh*”, rồi mọi người cùng ăn uống vui vẻ.

3.1.2. Cúng chăm sóc thai

Trong quá trình mang thai, nếu người mẹ bị ốm thì được làm lễ gọi hồn (*tri ta nhúy*). Theo quan niệm của người Mảng, người bị ốm là do hồn đi chơi xa, nên phải cúng gọi hồn trở về để người được khỏe

mạnh, không làm ảnh hưởng tới sự phát triển của thai nhi.

Sau khi chuẩn bị xong lễ vật gồm 1 đĩa xôi và 2 miếng thịt ức của con gà, thầy cúng tay cầm đĩa xôi, trên đó bày 2 miếng thịt gà, rồi ngồi ở cửa phụ phía Tây của ngôi nhà khấn bài cúng: “*Ta nhũy bật e bật gấn ăn long bưng go, e gấn...*”, tạm dịch là: “*Gọi hồn về cho người ốm được khỏe mạnh, đừng đi chơi xa nữa, hồn về chỗ ngủ, về trán...*”. Cúng xong, thầy cúng ăn đĩa xôi và 2 miếng thịt gà ấy và phải ăn hết, không được làm rơi vãi, vì quan niệm cho rằng, nếu điều đó xảy ra thì hồn khó trở về. Sau đó, thai phụ phải ở nhà, nếu đi đâu phải về nhà trước khi mặt trời lặn, nếu không hồn về không có chỗ để ở, người sẽ không khỏi bệnh.

3.2. Nghi lễ trong sinh đẻ (Ê vẫn)

3.2.1. Lễ cúng khó đẻ (O sà lý pết vẫn)

Khi thấy sản phụ khó đẻ (*ê vẫn ê gô*), người chồng phải đi nhờ thầy bói xem tại sao vợ mình lại khó đẻ. Thầy bói bằng dao bằng cách đọc các nguyên nhân dẫn tới tình trạng khó đẻ của sản phụ: cha đứa bé có đi đấm ma không, ma của ai đó trong bản chết làm cho bà mẹ này khó đẻ không, có ai trong nhà ăn thịt hoẵng, thịt rắn hoặc vi phạm điều gì kiêng kỵ không... Khi biết được nguyên nhân, thầy đi đến nơi có người để để làm lễ *thơ lý* (lễ cho sản phụ dễ đẻ).

Vừa tới nơi, thầy cúng tay trái cầm con dao nhọn, tay phải cầm đoạn tre đưng sấp ong và cánh kiến vàng cùng một mảnh nhỏ vải Thái, đi vào chỗ đẻ của sản phụ. Sau đó, thầy ngồi hướng mặt vào trong và khấn bài cúng: “*Văn ê đơ đũe bật ê hóm, bật ê mo,*

bật đũa ảm đoong thít”, nghĩa là: “*Hồn bé trong bụng ra nhanh, không được ở lâu, không cho bé chết...*”. Khi đọc xong, thầy đưa mảnh vải cho sản phụ kẹp vào nách hoặc để dưới áo trước bụng. Miếng vải đó chỉ được lấy ra sau khi sản phụ đã mẹ tròn con vuông. Một nghiên cứu khác chỉ ra rằng khi sản phụ khó đẻ thì người chồng lấy một mảnh vải đưa cho thầy cúng, rồi thầy cầm mảnh vải và lần lượt mời các vị thần linh về giúp đỡ cho sản phụ (Nguyễn Văn Thắng, 2007, tr. 96). Cúng xong, người chồng lấy 2 chén rượu mời thầy cúng tráng miệng, với quan niệm rằng cúng cho sản phụ dễ đẻ thì không được sạch sẽ nên phải súc miệng để tránh ma nhà thầy cúng không bằng lòng.

3.2.2. Lễ cúng ra nhau (O thà lý báy)

Khi sản phụ sinh con xong, thông thường nhau thai sẽ ra theo hoặc ra chậm hơn một lúc. Với người Mảng, sau một tiếng mà nhau thai chưa ra thì họ cho rằng, đó là bị dính nhau thai và phải tiến hành lễ cúng nhằm bảo vệ sinh mạng của bà mẹ.

Người chồng mời thầy cúng đến thực hiện nghi lễ. Thầy cúng ngồi ngoài lán - nơi sản phụ đẻ, trong tư thế tay phải cầm dao nhọn, tay trái cầm ống tre có sấp ong cánh kiến và một miếng vải nhỏ gõ vào nhau, miệng đọc bài cúng: “*Loài bay, bò lò hằm tó, u lò tó, plì a lo ploàng a toàng*”, với nghĩa: “*Nhau dính không ra, sấp ong người khác không lấy được, tôi lấy được, tôi cúng cho nhau chị A (tên sản phụ) cho ra ngay, ra nhanh như nước, ra trơn như cá bóng*”. Khấn xong, thầy cúng đưa mảnh vải cho sản phụ đắp lên bụng, khi nào nhau thai ra thì thôi.

3.3. Nghi lễ chăm sóc, bảo vệ và nuôi dạy trẻ em

Sau khi đẻ, sản phụ không được ăn rau (dĩ) vì rau có màu xanh và các loại hoa quả, không vào rừng chặt cây, không cuốc đất, đặc biệt là cuốc đất làm nhà, không ăn muối (mài)... Thời gian này, sản phụ chỉ được ăn cá trắng (*a chố*), thịt gà (*ma chươi*) và cơm (*xá*). Khi nhà có phụ nữ đẻ, họ thường cắm một cành lá xanh ở cầu thang làm tín hiệu thông báo với mọi người là nhà đang kiêng người lạ vào, do sợ hồn đứa bé sẽ quấy khóc. Trường hợp có người lạ trót vào nhà thì phải làm “lý” bằng cách, người khách phải rót cho sản phụ một bát nước để uống, vì sợ sản phụ sẽ mất sữa.

3.3.1. Lễ giữ vía (*O thà lý nhủy*)

Nghi lễ giữ vía được tiến hành vào đêm thứ 3 sau khi sinh con. Con trai thì cúng vào 7 giờ sáng, con gái cúng vào 5 giờ chiều với quan niệm buổi sáng con trai phải đi làm nương để nuôi gia đình, khi mặt trời xuống con gái phải về nhà nấu bữa tối cho cả nhà. Như đã trình bày, theo người Mảng, hồn đứa bé chưa hình thành khi còn nằm trong bụng mẹ; sau khi sinh được ba ngày, hồn mới nhập vào thân xác của trẻ nhưng còn yếu nên phải làm *o thà lý nhủy* để bảo vệ hồn, tức giữ gìn sự sống cho đứa trẻ.

Người thực hiện lễ có thể là thầy cúng hoặc cha mẹ đứa trẻ nếu cha mẹ đứa bé biết cúng. Họ chuẩn bị một đoạn dây chỉ đỏ, một đoạn tre hoặc trúc to bằng đũa ăn cơm với độ dài 1 - 3cm có tẩm mật ong. Sau đó, thầy cúng ngồi gần đứa trẻ, tay trái cầm dao nhọn, tay phải cầm đoạn tre có sáp ong và sợi dây chỉ đỏ, rồi khấn: “*Nhủy a ho mác bằng đo ma bằng đuể, tăn ăng ang, nhủy tăn*

bẩn vậy oong bằng vuông, đà ê chì ê dí...”, tức là: “*Hồn phải về với nó, về ở với nó, ngồi bên cạnh nằm bên lưng, không cho nó ốm đau...*”. Cúng xong, thầy xuyên sợi chỉ qua đoạn tre hoặc trúc và buộc vào cổ tay đứa bé.

3.3.2. Lễ đặt tên con (*Tri piêu vắn*)

Người Mảng đặt tên con theo dòng họ, thông thường ông ngoại sẽ đặt tên cho đứa cháu đầu, còn những đứa tiếp sau do cha mẹ đặt tên. Nếu trong thời gian 10 ngày sau đẻ mà có một vị khách lạ vào nhà thì người khách ấy sẽ làm lễ đặt tên cho đứa bé và nhận bé làm con nuôi (*vắn hắng*). Họ thường chọn ngày tốt để đặt tên cho trẻ, với niềm tin ngày tốt sẽ đem lại sức khỏe, sự giỏi giang cho đứa trẻ, nếu đặt tên vào ngày xấu thì trẻ hay khóc, thậm chí bị ốm đau, khó nuôi.

Thời gian đặt tên cho con của người Mảng tới nay có nhiều thông tin khác nhau. Người Mảng ở vùng Chăn Nưa thuộc huyện Sìn Hồ (tỉnh Lai Châu) làm lễ này sau khi trẻ sinh được 12 ngày, ở huyện Mường Tè cùng tỉnh, người Mảng thường đặt tên cho con sau khi đẻ được 10 ngày (Nguyễn Văn Thắng, 2007, tr. 98), nhưng theo nghiên cứu của tác giả Ngọc Hải thì người Mảng đặt tên cho con sau khi sinh 3 ngày (Hoàng Sơn, chủ biên, 2007, tr. 121). Theo nghiên cứu của chúng tôi, người Mảng ở Việt Nam thường đặt tên cho con sau 10 ngày, vì theo họ, lúc ấy hồn của đứa bé đã khỏe, bé có thể sống với bố mẹ, nên mới làm *tri piêu vắn* cho bé.

Việc đặt tên cho con thường làm vào ban đêm. Cha đứa bé mổ một con gà, luộc chín, rồi chặt chân, đùi, đầu để riêng, số thịt gà còn lại được băm thật nhỏ, và chuẩn bị thêm 2 chén rượu, 3 sợi chỉ đen, 3 sợi chỉ đỏ. Sau đó, ông ngoại và cha mẹ của bé ngồi

gần bếp chính - nơi bày những thứ trên, cha đưa bé rót mời ông ngoại 2 chén rượu, cùng 1 đũa gà, đầu gà. Ăn xong, ông ngoại nghĩ tên để đặt cho bé. Khi chọn được tên vừa ý, ông ngoại nói cho cha mẹ đứa trẻ biết, rồi lấy 3 sợi chỉ đen xoắn với 3 sợi chỉ đỏ để buộc vào cổ tay của bé. Lúc buộc, ông ngoại nói: “*Con, cháu lớn nhanh, khoẻ mạnh không ốm đau nhé*”, buộc xong thì mừng cho cháu ít tiền. Khi nhận tiền, cha mẹ đứa bé phải lạy ba lạy để tỏ lòng biết ơn. Tiếp đến, mọi người trong nhà có thể lên tiếng chúc mừng con, cháu, anh, em của mình luôn mạnh khoẻ, hay ăn, chóng lớn...

3.3.3. Lễ gọi hồn trẻ (*Ta nhụy vắn hà*)

Theo thầy cúng Tào A Sành (80 tuổi) ở bản A Mạ thuộc xã Pa Vệ Sủ (huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu), trẻ con hay bị ốm là do hồn mãi đi chơi, bởi hồn chưa hiểu biết thế giới và thích hoa lá nên thường đi dạo xa dẫn tới người bị ốm, đặc biệt là trẻ dưới 10 tuổi. Như vậy, nếu trẻ em hoặc người lớn hay bị ốm thì làm lễ gọi hồn về cho người ấy khỏe lại. Tuy nhiên, với trẻ em, cách thức tiến hành và lễ vật có sự khác biệt so với làm lễ cho người lớn.

Nếu thấy trẻ bị ốm, kể cả trẻ sơ sinh hay quấy khóc, người nhà chuẩn bị 1 quả trứng gà luộc và 1 miếng vải đỏ khâu thành chiếc túi. Sau đó, thầy cúng cho quả trứng gà vào túi và đi ra bên nước (*tỳ ðòong giùm*) hoặc chỗ mọi người trong bản thường lấy nước sinh hoạt. Tới nơi, thầy cúng đặt túi xuống mép nước và mở túi ra để khăn cúng với đại ý: “*Nhụy vắn hà ô ðơ cơ tong pẻ ho ve nhòa bản e, bản gản*”, có thể dịch là: “*Hồn bé vào túi này và về nhà cho khỏe mạnh, không đi chơi nữa*”. Khăn xong, thầy

buộc miệng túi mang về nhà, lấy quả trứng cho bé ăn. Nếu bé không ăn trứng thì phải bỏ đi, không cho người khác ăn, bởi quan niệm rằng người khác ăn thì hồn sẽ không nhập vào bé, làm cho bé ốm nặng thêm. Kết thúc lễ, cha mẹ đứa bé phải trả công cho thầy cúng bằng một khoản tiền nhỏ là 5 hào (trước đây) hoặc 30.000 - 50.000 đồng (hiện nay). Nếu không trả thì ma nhà thầy cúng sẽ không hài lòng.

3.3.4. Lễ buộc chỉ cổ tay (*Op pé chung tỳ*)

Lễ buộc chỉ cổ tay được tiến hành khi đứa trẻ được một tháng tuổi, nhằm xua đuổi tà ma, cầu an lành cho trẻ. Trường hợp trẻ hay bị ốm thì nghi lễ này có thể tổ chức sớm hơn, tuy nhiên không được sớm hơn 2 tuần tuổi. Theo thầy cúng Lò A Đàng (61 tuổi) ở bản Nậm Cùm thuộc xã Bum Nưa (huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu), buộc chỉ cổ tay là lễ quan trọng bậc nhất trong các nghi lễ cầu an cho trẻ, bởi vì những sợi chỉ được buộc vào cổ tay của trẻ sẽ có sức mạnh tâm linh to lớn như trừ tà, đuổi ma, giữ gìn hồn của trẻ, tức làm cho trẻ khỏe mạnh.

Để thực hiện lễ buộc chỉ cổ tay, gia đình phải chọn ngày đẹp và đi mời thầy cúng cùng ba người đàn ông trong bản đến giúp. Ba người này phải có uy tín, khỏe mạnh và làm ăn giỏi. Lễ vật gồm: 1 con gà, 1 chai rượu và 3 sợi chỉ (1 chỉ đen, 1 chỉ đỏ và 1 chỉ trắng), được bày trên một cái mẹt nhỏ, để gần chỗ bếp chính trong nhà. Thầy cúng ngồi quay mặt về phía Đông và đọc bài cúng với đại ý: “*Ăm loong bằng gò, bật y hoòm ong bắc, e gản a bỏ, bật tổ bật găng...*”, tạm dịch là: “*Buộc chỉ cổ tay, không cho ốm đau, cho bình an, cho khỏe mạnh và to lớn...*”. Đọc

xong, thầy cúng lấy ba sợi chỉ se lại rồi buộc vào cổ tay đứa trẻ.

Theo quan sát của chúng tôi, nhóm Mảng Gúng ở bản A Mạ thuộc xã Pa Vệ Sủ (huyện Mường Tè); bản Hua Pảng thuộc xã Nậm Ban (huyện Sin Hồ)... thực hiện nghi lễ buộc chỉ một cách đầy đủ và chi tiết hơn so với nhóm Mảng Lê ở bản Pá Bon thuộc xã Chăn Nưa và các bản Nậm Ô, Nậm Nó 1, Nậm Nó 2, xã Nậm Ban (huyện Sin Hồ), bản Nậm Cùm, xã Bum Nưa, (huyện Mường Tè), tỉnh Lai Châu. Có lẽ, đây là kết quả của việc giao thoa văn hóa của người Mảng với các tộc người xen cư, cận cư như Thái, Kinh, Hmông...

3.3.5. Lễ cúng ma cho trẻ (*O xà lý pli*)

Ở bản Pá Bon, xã Chăn Nưa, huyện Sin Hồ (tỉnh Lai Châu), lễ cúng ma được thực hiện khi đứa trẻ hay quấy khóc hoặc bị ốm. Trước hết, gia đình cần đi xem bói để biết được loại ma làm hại, rồi mới cúng ma ấy. Theo thầy cúng Lò Văn Đươn (46 tuổi) và thầy cúng Pàn Văn Cheo (58 tuổi) ở Pá Bon, để tìm ra ma làm hại thì bói bằng dao như đã miêu tả ở trên với các nguyên nhân như: bố bé đi làm đã trèo cây hoặc đi đấm ma mà hồn người chết theo về... Sau khi xác định đúng nguyên nhân, tức con ma gây ra ốm đau cho trẻ thì mới cúng.

Để cúng ma làm hại, gia đình chỉ cần đi mời thầy cúng. Đến nơi, thầy cúng ngồi ở gần chỗ ngủ của bé, rồi tay trái cầm dao nhọn, tay phải cầm đoạn tre có sấp ong và cánh kiến cùng một miếng vải đỏ bằng bàn tay, để đọc bài cúng: *“Ma làm cho bé khóc, làm cho bé quấy, làm cho bé ốm, ta đã có sấp ong cúng ma, ma đi đi tha cho đứa bé, ma ở rừng về rừng, ở sông về sông, ma đi*

đi...”. Khấn xong, thầy cầm mảnh vải đỏ kẹp vào nách của đứa trẻ. Trường hợp đứa trẻ vẫn khóc, bệnh không giảm thì thầy cúng tiến hành bói lại và cúng tiếp.

4. Vai trò của nghi lễ sinh đẻ và nuôi con nhỏ trong đời sống người Mảng

Nghi lễ nói chung, nghi lễ sinh đẻ và nuôi con nhỏ nói riêng đều có vai trò trong đời sống của các tộc người, nhất là tộc người thiểu số. Do trình độ phát triển còn thấp, ít tiếp xúc với thành quả khoa học kỹ thuật, nên ở chừng mực nào đó, các nghi lễ vẫn tác động nhất định đến tinh thần của đồng bào. Có thể kể một số tác động của các nghi lễ vừa kể trên đến đời sống của đồng bào như sau:

- *Giải tỏa áp lực cuộc sống, tạo niềm tin cho cá nhân và cộng đồng*: Đây chính là điểm quan trọng nhất đối với các nghi lễ mà trên đã trình bày. Con người vốn nhỏ bé trước thiên nhiên oai hùng, tuy có kiến thức về thiên nhiên và thế giới xung quanh nhưng hữu hạn, trong khi có bao điều trong cuộc sống mà con người chưa thể giải thích được. Vì vậy, ở những nơi đặc biệt khó khăn mà người Mảng đang sinh sống, việc khao khát tìm hiểu và chinh phục thiên nhiên của người dân vẫn luôn là những điều thú vị trong cuộc sống. Tuy nhiên, trước khi có lời giải đáp các hiện tượng tự nhiên bằng khoa học thực chứng thì khoảng trống đó là mảnh đất màu mỡ cho những phán định huyền ảo của thế giới ý thức với đại diện là các thầy cúng, thầy bói... Ở mức độ nhất định, họ đã khỏa lấp được sự thiếu hụt về tâm linh trong mỗi người, khi khoa học hiện đại chưa tiếp cận được các hiện tượng huyền bí. Vì thế, các nghi lễ do các thầy cúng hoặc thầy bói

thực hiện đã phần nào giúp người dân về mặt tâm lý để đứng vững trước các thử thách của tự nhiên. Sau các nghi lễ như cầu cúng, làm phép, bùa chú... cùng với những lời chúc và động viên của mọi người trong gia đình, người ốm dường như khỏe lại, có vẻ cảm nhận được một thế lực siêu nhiên đang trợ giúp mình trong gian khó, nên đã có thêm nghị lực và niềm tin để vượt qua thử thách, giúp cho tinh thần có thể chiến thắng bệnh tật.

- *Củng cố sức mạnh gia đình, dòng họ:* Người Mảng tin rằng với việc có thêm thành viên mới thì gia đình đã có thêm sức mạnh, thêm của cải và sự giàu sang bên cạnh quan niệm nhiều con là nhiều phúc của họ. Chính vì lẽ đó mà họ thực hiện các nghi lễ nhằm cầu mong sự an lành, che chở cho đứa bé một cách nghiêm cẩn với thần linh và ma.

- *Tăng cường sự đoàn kết giữa các cá nhân trong gia đình, cộng đồng:* Đây là vai trò nổi bật thông qua các nghi lễ. Khi thực hiện nghi lễ, mọi người được gặp nhau trong một không gian thiêng với sự chứng giám của thần linh và ma. Bởi vậy, họ hầu như gần nhau hơn, chân thành và gắn bó hơn, từ đó sự đoàn kết, tương thân, tương ái được nâng lên.

Một vài nhận xét

Nghi lễ sinh đẻ và nuôi dạy con nhỏ của người Mảng ở Việt Nam tập trung nhiều vào việc cầu mong sự an lành cho sản phụ và đứa trẻ mới sinh. Việc cầu cúng thần linh và ma được tiến hành bởi nhiều nghi lễ và ở từng giai đoạn phát triển khác nhau của đứa bé như thời kỳ thụ thai, mang thai, sinh nở và nuôi con. Các nghi lễ ấy tuy khác biệt về cách cầu mong sự an lành cho mẹ và đứa trẻ,

nhưng đều có hai cách thực hiện là: cầu cúng sự che chở của thần linh và ma, cúng mượn các thế lực siêu nhiên để đuổi ma cầu mong bình an. Đây chính là mô tuýp phổ biến không chỉ trong nghi lễ sinh đẻ và nuôi dạy con mà còn ở trong các nghi lễ khác như cầu an, thờ cúng tổ tiên, kể cả các nghi lễ khác trong chu kỳ đời người của tộc người Mảng.

Các nghi lễ đã phản ánh một phần đời sống tâm linh người Mảng. Tuy còn nhiều hạn chế, đôi khi là niềm tin vô căn cứ, nhưng các nghi lễ vẫn có giá trị nhất định trong đời sống người Mảng khi kiến thức khoa học chưa vươn tới để giải thích các hiện tượng tự nhiên quanh họ. Cầu cúng và thực hành nghi lễ chính là nơi để người Mảng giải tỏa áp lực, tìm lại niềm tin và hy vọng cho một cuộc sống bình an. Song, đây cũng chính là vấn đề đặt ra cho chính quyền các cấp nhằm từng bước củng cố niềm tin khoa học cho người dân và loại bỏ những niềm tin vô căn cứ, chẳng hạn như cúng thúc nhau thai ra, cúng để dễ đẻ, cúng gọi hồn trẻ...

Qua các nghi lễ, nhiều giá trị văn hóa trong đời sống người Mảng cũng được bộc lộ. Đó là việc giải tỏa áp lực cuộc sống, tạo niềm tin, củng cố sức mạnh, tăng cường sự đoàn kết của các cá nhân trong gia đình, cộng đồng... Đó là những giá trị văn hóa tốt đẹp cần được bảo tồn và phát huy hơn nữa trong đời sống hiện nay, bởi một mặt đáp ứng được nhu cầu đời sống tâm linh của người dân, mặt khác đây còn là tư tưởng phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam, phù hợp với tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng ta về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Tài liệu tham khảo

1. Vi Văn An (1999), “Những người còn giữ tục cổ xăm cằm”, *Tạp chí Dân tộc và thời đại*, Số 2, tr. 9.

2. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở TW (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 kết quả toàn bộ*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

3. Ngọc Hải (2003), *Bản sắc văn hoá dân tộc Mảng*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

4. Hoàng Sơn (Chủ biên) (2007), *Người Mảng ở Chăn Nưa huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

5. Nguyễn Văn Thắng (2007), *Phong tục và tín ngưỡng của người Mảng ở xã Nậm Ban, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa, Viện Nghiên cứu Văn hoá.

6. Nguyễn Văn Thắng (2012), “Tang ma của người Mảng ở Lai Châu”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 11-19.

7. Nguyễn Văn Thắng (2012), “Lễ cưới của người Mảng ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội Tây Nguyên*, Số 2, tr. 60-71.

8. Ngô Đức Thịnh (1974), “Quá trình tan rã trong gia đình lớn của người Mảng hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 53-64.



Mẹ con người Mảng ở bản Pá Bon, xã Chăn Nưa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu

Ảnh: Nguyễn Văn Thắng